

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/KDTM-PT**

Ngày: 17 - 4 - 2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng
dịch vụ và đòi lại giấy chứng nhận QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Mai Thiện Kế.

2/- Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Lê Văn Ninh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2018/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng dịch vụ và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐ-PT ngày 08/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐ-PT ngày 23/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C.Guillaume – Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn G.

Địa chỉ: ấp *B, xã A, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Phương N, chức vụ: trưởng phòng pháp lý công ty trách nhiệm hữu hạn G (theo giấy ủy quyền ngày 01/02/2018) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trịnh Chính H (chủ Đại lý H-T), sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966.
Địa chỉ: LK **-* đường C*, khu dân cư M, khóm *, phường *, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Đỗ Hữu T (Đỗ Xuân T), sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966.
Địa chỉ: LK **-* đường C*, khu dân cư M, khóm *, phường *, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

3.2/ Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Bà Trần Thúy Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: LK **-* đường C*, khu dân cư M, khóm *, phường *, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

3.3/ Ông Võ Văn C, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

3.4/ Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số ** ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

3.5/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.6/ Bà Thạch Thị Kim H2, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1/ Ông Trần Văn V; (vắng mặt)

4.2/ Ông Trần Quốc T; (vắng mặt)

4.3/ Ông Liên Minh H; (vắng mặt)

4.4/ Ông Trần Quốc C; (vắng mặt)

4.5/ Ông Trần Thành P; (vắng mặt)

4.6/ Ông Liên Minh H3. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Bị đơn Trịnh Chính H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G và người đại diện hợp pháp của Công ty trình bày:

Ngày 22/01/2008, Công ty trách nhiệm hữu hạn G (sau đây gọi tắt là Công ty G) và Đại lý H-T do ông Trịnh Chính H làm chủ ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 07/OC/HĐKT. Theo nội dung hợp đồng, Công ty G bán cho Đại lý H-T thức ăn cho tôm mang nhãn hiệu MONOLIS, phía Đại lý H-T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty G bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trước khi nhận hàng sau khi trừ đi các chiết khấu, khuyến mại theo các chính sách thương mại của Công ty G trong từng thời điểm cụ thể. Sau đó, căn cứ vào tình hình tiêu thụ và khả năng thanh toán của Đại lý H-T, Công ty G cho Đại lý H-T nợ có thể chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/5/2008, Công ty G và Đại lý H-T ký kết Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, Đại lý H-T đã giao cho Công ty G quản lý các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00126 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/4/1995 (ông Lưu Văn Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000096 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 27/4/1998 (do ông Võ Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 291613, AH291614, AH291615 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 27/12/2006 (do bà Thạch Thị Kim H2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000219 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 12/5/1992 (do ông Nguyễn Văn N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và Đại lý H-T được nợ số tiền là 1.300.000.000 đồng, thời hạn thanh toán nợ là 30/12/2008. Tính đến ngày 31/12/2008, Đại lý H-T còn nợ Công ty G số tiền là 1.249.719.398 đồng. Đến ngày 12/3/2009, Công ty G và ông Trịnh Chính H (chủ Đại lý H-T) cùng vợ là bà Đỗ Hữu T (tên gọi khác: Đỗ Xuân T) ký kết với nhau Biên bản thỏa thuận thanh toán nợ quá hạn, theo đó Đại lý H-T xác nhận còn nợ Công ty G số tiền là 1.249.719.398 đồng và cam kết sẽ thanh toán đến ngày 20/8/2009 dứt nợ. Đến ngày 12/3/2009, Đại lý H-T đã chuyển trả cho Công ty G số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 11/5/2009, Đại lý H-T tiếp tục mua hàng của Công ty G với số tiền là 40.869.780 đồng và chuyển trả số tiền là 41.120.000 đồng. Từ ngày 03/6/2009 đến ngày 02/3/2010, Đại lý H-T đã chuyển trả cho Công ty G tổng số tiền là 115.000.000 đồng. Tính đến ngày 05/3/2010, Đại lý H-T còn nợ Công ty GUYMARC'H số tiền là 1.034.469.178 đồng. Công ty GUYMARC'H yêu cầu ông Trịnh Chính H và bà Đỗ Hữu T thanh toán số tiền nợ là 1.034.469.178 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của Công ty GUYMARC'H thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Đỗ Hữu T có trách nhiệm cùng ông Trịnh Chính H đối với khoản nợ của Đại lý H-T và yêu cầu ông Trịnh Chính H là chủ Đại lý H-T thanh toán khoản nợ với số tiền là **1.034.000.000 đồng**. Về hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất ngày 25/5/2008, đại diện Công ty G xác định hợp đồng này không có công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và khi ký kết hợp đồng thế chấp thì ông Trịnh Chính H cũng không được ông Lưu Văn Đ, ông Võ Văn C, ông Nguyễn Văn N và bà Thạch Thị Kim H2 ủy quyền hợp pháp. Hiện nay, Công ty G đã giao trả cho ông Trịnh Chính H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị Kim H2, Công ty G đồng ý trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu Văn Đ, ông Võ Văn C và ông Nguyễn Văn N.

2/- Bị đơn ông Trịnh Chính H trình bày:

- Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14-15/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện M, ông Trịnh Chính H là chủ Đại lý H-T thừa nhận có ký kết hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm của Công ty G và hiện còn nợ số tiền là 1.084.469.178 đồng.

- Theo biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ông Đỗ Hữu H4 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Chính H thừa nhận ông Trịnh Chính H là chủ Đại lý H-T còn nợ Công ty G số tiền là 1.084.469.178 đồng và xin được trả dần.

- Theo đơn yêu cầu phản tố lập ngày 05/11/2015, ông Trịnh Chính H xác định khoản nợ 1.034.649.178 đồng mà Công ty G đòi ông H thanh toán là bao gồm cả khoản nợ của bà Đỗ Thị K, nhưng không xác định cụ thể số tiền là bao nhiêu. Ông H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết xử lý các tài sản thế chấp của ông Lưu Văn Đ, ông Võ Văn C theo Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất ngày 25/5/2008 để trả nợ cho Công ty G sau khi trừ đi phần nợ của bà Đỗ Thị K.

- Tại tờ tường trình lập ngày 05/5/2017 của ông Trần Việt H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Chính H thì ông H1 trả lời về yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn Đ như sau: Ông H1 xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn Đ đã được ông Trịnh Chính H thế chấp cho Công ty G dưới sự đồng ý của ông Đ nên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho ông Đ. Về khoản nợ của ông Đ đối với ông H thì sẽ cung cấp chứng cứ sau.

- Tại đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt lập ngày 03/11/2017, thì ông Trần Việt H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Chính H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và xác định không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do trong tổng nợ mà nguyên đơn yêu cầu thì bà Đỗ Thị K còn nợ Công ty G khoảng 800.000.000 đồng, ông H chỉ nợ nguyên đơn khoảng 200.000.000 đồng. Bị đơn xin rút lại yêu cầu phản tố có liên quan đến ông Võ Văn C. Đối với ông Lưu Văn Đ, ông H1 đề nghị Tòa án xem xét buộc nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 8719521 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/4/1995 cho ông Lưu Văn Đ và buộc ông Đ trả cho ông H số tiền là 14.260.000 đồng.

3/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu T trình bày:

- Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14-15/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, bà Đỗ Hữu T thừa nhận Đại lý H-T có ký kết hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm của Công ty G và hiện còn nợ số tiền là 1.084.469.178 đồng.

- Theo biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ông Đỗ Hữu H4 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Hữu T thừa nhận ông Trịnh Chính H là chủ Đại lý H-T còn nợ Công ty G số tiền là 1.084.469.178 đồng và xin được trả dần.

- Theo tờ tường trình ngày 16/01/2015, bà Đỗ Hữu T xác định đây khoản nợ mà Công ty G đòi Đại lý H-T thanh toán là bao gồm cả khoản nợ của bà Đỗ Thị K.

- Tại đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt lập ngày 03/11/2017, thì ông Trần Việt H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Hữu T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và xác định không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do

trong tổng nợ mà nguyên đơn yêu cầu thì bà Đỗ Thị K còn nợ Công ty G khoảng 800.000.000 đồng, ông H chỉ nợ nguyên đơn khoảng 200.000.000 đồng.

4/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị K trình bày:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2015, bà Đỗ Thị K xác định giữa bà K và Công ty G không có giao dịch mua bán với nhau, chỉ có vợ chồng ông Trịnh Chính H, bà Đỗ Hữu T giao dịch mua bán với Công ty G. Bà K có mua hàng của bà T và hiện còn nợ bà T một số tiền. Đối với khoản nợ 1.084.469.178 đồng mà Công ty G yêu cầu ông H thanh toán thì bà K không có liên quan.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/4/2017, bà Trần Thúy Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị K xác định việc Công ty G yêu cầu ông Trịnh Chính H và bà Đỗ Hữu T thanh toán khoản nợ 1.034.469.178 đồng là không đúng vì bà Đỗ Thị K có mua hàng của Công ty G và có nợ một phần nhưng không rõ số nợ cụ thể trong tổng số nợ 1.034.469.178 đồng mà Công ty G đòi ông H và bà T thanh toán.

5/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Văn Đ trình bày:

Vào năm 2008, ông Trịnh Chính H có đến kêu ông Đ ủ đất nuôi tôm và được ông H đồng ý cho ủ đất thiếu nên ông Đ đồng ý ủ đất với giá 2.300.000 đồng/1000 m², tổng số tiền ủ đất ông Đ nợ ông H là 14.260.000 đồng. Sau khi ủ đất xong, ông H đề nghị ông Đ đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để ông H đứng ra vay vốn dùm, nhưng đến nay vẫn không vay được và ông H cũng không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Đối với số tiền ủ đất ông Đ cũng chưa thanh toán cho ông H. Nay ông Đ mới biết việc ông H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ thế chấp cho Công ty G nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty G trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 8719521, ngày 04/4/1995 do UBND huyện M cấp cho ông Lưu Văn Đ, đồng thời ông Đ sẽ thanh toán cho ông Trịnh Chính H số tiền ủ đất còn nợ là 14.260.000 đồng.

6/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn C trình bày:

Trước đây ông Võ Văn C có mua thức ăn nuôi tôm của ông Trịnh Chính H và nợ một số tiền nên ông C có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000096 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 27/4/1998 cho ông H. Nhưng ông C không có ủy quyền cho ông H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty G. Nay ông C yêu cầu Công ty G trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017, đã quyết định căn cứ: khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 và Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 318, Điều 342, Điều 343, Điều 323, Điều 128, Điều 134, khoản 1 Điều 137, Điều 518 và 524 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án

dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn G. Xử buộc ông Trịnh Chính H (chủ Đại lý H-T) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G khoản nợ gốc là 1.034.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của ông Trịnh Chính H liên quan đến ông Võ Văn C.

3. Chấp nhận phần yêu cầu phản tố của ông Trịnh Chính H về việc đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn G giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và yêu cầu ông Đ thanh toán nợ cho ông H; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn Đ. Tuyên bố hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất ngày 25/5/2008 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn G và ông Trịnh Chính H là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G có trách nhiệm giao trả cho ông Lưu Văn Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 8719521 do Ủy ban nhân dân huyện M tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/4/1995.

- Xử buộc ông Lưu Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Chính H số tiền là 14.260.000 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G có trách nhiệm giao trả cho ông Võ Văn C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000096 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/4/1998.

- Xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000219 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/5/1992.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 25/12/2017, bị đơn Trịnh Chính H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền hơn 800 triệu đồng mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị K đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn nhưng bản án sơ thẩm lại buộc ông phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa T được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Trịnh Chính H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị K và người đại diện theo ủy quyền của bà K là bà Trần Thúy Q, ông Võ Văn C, ông Nguyễn Văn N, bà Thạch Thị Kim H2.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người vắng mặt đã nêu trên theo thủ tục chung.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Đối với việc đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của ông Trịnh Chính H liên quan đến ông Võ Văn C; yêu cầu phản tố của ông Trịnh Chính H về việc đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn G giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và yêu cầu ông Đ thanh toán nợ cho ông H; đối với yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn Đ; việc tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/5/2008 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn G và ông Trịnh Chính H là giao dịch dân sự vô hiệu; việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về những phần này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Chính H thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận giữa nguyên đơn Công ty G và bị đơn ông Trịnh Chính H (chủ Đại lý H-T) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm. Sau khi kết nợ, nguyên đơn Công ty G xác định số tiền ông Trịnh Chính H còn nợ của Công ty tổng cộng là 1.034.000.000 đồng. Số nợ này đã được ông Trịnh Chính H và bà Đỗ Hữu T (tên gọi khác là Đỗ Xuân T) thừa nhận tại Biên bản thỏa thuận thanh toán nợ quá hạn ngày 12/3/2009 (BL 27-28); Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14-15/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện M và biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Việc thừa nhận nợ của ông H và bà T cũng phù hợp với lời khai của bà Đỗ Thị K ngày 19/8/2015 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề (BL 215).

[3] Ông Trịnh Chính H, bà Đỗ Hữu T cho rằng trong số nợ 1.034.000.000 đồng của Đại lý H-T đối với Công ty G bao gồm cả phần nợ của bà Đỗ Thị K là hơn 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, giữa bà Đỗ Thị K và Công ty G không có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Mặc dù bị đơn có cung cấp các văn bản đối chiếu công nợ có chữ ký, chữ viết của bà K nhưng phần tên khách hàng nhận nợ là Đại lý H-T cho thấy việc ký công nợ của bà K là được sự cho phép của ông H nên không làm phát

sinh nghĩa vụ trả nợ của cá nhân bà K đối với Công ty G. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2015 (BL215), bà Đỗ Thị K cũng thừa nhận việc giao kết hợp đồng mua bán là giữa Công ty và Đại lý H-T, bà K chỉ lấy hàng lại của bà T để kinh doanh. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị K là bà Trần Thúy Q cho rằng trong số tiền nợ có một phần nghĩa vụ của bà K bởi vì bà K có giao kết hợp đồng mua bán bằng lời nói với Công ty G là mâu thuẫn với chính lời khai của bà K vào ngày 19/8/2015 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề (BL 215).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp các Giấy xác nhận công nợ của ông Trần Văn V, ông Trần Quốc T, ông Liên Minh H, ông Trần Quốc C, ông Trần Thành P, ông Liên Minh H3 đối với bà Đỗ Thị K. Tuy nhiên, việc nhận nợ của những người này đối với bà K không chứng minh được trong số nợ 1.034.000.000 đồng của Đại lý H-T đối với Công ty G bao gồm khoản nợ của bà Đỗ Thị K.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5.1] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[5.2] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trịnh Chính H.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn G. Xử buộc ông Trịnh Chính H (chủ Đại lý H-T) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G khoản nợ gốc là 1.034.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu đồng).

3/- Những vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị; không nêu trong phần quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4/- Sau khi án có hiệu lực và đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, người không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm phần lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5/- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Trịnh Chính H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006575 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: TKT-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ

